

Số: 283/2024/CV-ARITA

Hà Nam, ngày 28 tháng 3 năm 2024

V/v cung cấp các thông tin liên quan đến dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội thuộc Quy hoạch tổng mặt bằng Khu thiết chế công đoàn tại KCN Đồng Văn II, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam để công bố công khai tại Cổng Thông tin điện tử Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam

Công ty Cổ phần Arita xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Công ty Cổ phần Arita là Chủ đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội thuộc Quy hoạch tổng mặt bằng Khu thiết chế công đoàn tại KCN Đồng Văn II, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Hà Nam.

Dự án đã được công bố Danh mục dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân (nhà ở xã hội tại khu công nghiệp) trên địa bàn tỉnh Hà Nam tại Văn bản số 2586/UBND-GTXD ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Hà Nam.

Căn cứ theo quy định pháp luật về nhà ở, Công ty Cổ phần Arita cung cấp các thông tin liên quan đến dự án để công bố công khai tại Cổng Thông tin điện tử Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam, cụ thể như sau:

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội thuộc quy hoạch tổng mặt bằng khu thiết chế công đoàn.

**2. Địa điểm xây dựng:** Thuộc Quy hoạch tổng mặt bằng Khu thiết chế công đoàn tại KCN Đồng Văn II, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

**3. Tên chủ đầu tư dự án:** Công ty Cổ phần Arita.

**4. Địa chỉ liên lạc:** Số 34, đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**5. Địa chỉ nộp đơn đăng ký:** Văn phòng bán hàng tại dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội thuộc Quy hoạch tổng mặt bằng Khu thiết chế công đoàn tại KCN Đồng Văn II, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- SĐT liên hệ: 0942.858.389/0913.77.2628 - Phòng Kinh doanh.

**6. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Quý I/2023 đến Quý IV/2025: Triển khai đầu tư xây dựng, hoàn thành, nghiệm thu, đưa dự án đi vào khai thác, sử dụng.

**7. Quy mô dự án:**

- Xây dựng 04 tòa nhà chung cư (từ NOXH) tại các lô đất nhà ở xã hội với tổng diện tích đất 10.768,65 m<sup>2</sup>, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, theo loại nhà và tiêu chuẩn diện tích nhà ở xã hội, phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, ... thiết kế xây dựng. Tổng số 912 căn hộ, bố trí tại các lô đất:

+ NOXH 1.1: Bố trí tại lô đất có diện tích 1.599,57m<sup>2</sup>, tầng cao 14 tầng, mật độ xây dựng khoảng 46%, số căn hộ khoảng 143 căn hộ.

+ NOXH 1.2: Bố trí tại lô đất có diện tích 1.773,05m<sup>2</sup>, tầng cao 14 tầng, mật độ xây dựng khoảng 39%, số căn hộ khoảng 143 căn hộ.

+ NOXH 2.1: Bố trí tại lô đất có diện tích 3.656,66m<sup>2</sup>, tầng cao 14 tầng, mật độ xây dựng khoảng 42%, số căn hộ khoảng 312 căn hộ.

+ NOXH 2.2: Bố trí tại lô đất có diện tích 3.739,37m<sup>2</sup>, tầng cao 14 tầng, mật độ xây dựng khoảng 42%, số căn hộ khoảng 312 căn hộ.

#### **8. Số lượng căn hộ: 910 căn hộ, trong đó bao gồm:**

- Số căn hộ để bán dự kiến: 708 căn hộ.

- Số căn hộ để cho thuê, thuê mua dự kiến: 202 căn hộ.

#### **9. Diện tích các loại căn hộ (tính theo diện tích thông thủy):**

Stt	Loại căn hộ	Đơn vị	Diện tích	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nhà ở xã hội NOXH 1.1</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>578,70</b>	
1	Căn hộ A1	m <sup>2</sup>	62,10	
2	Căn hộ A2	m <sup>2</sup>	48,10	
3	Căn hộ A3	m <sup>2</sup>	48,10	
4	Căn hộ A4	m <sup>2</sup>	48,00	
5	Căn hộ A5	m <sup>2</sup>	68,70	
6	Căn hộ A6	m <sup>2</sup>	61,70	
7	Căn hộ A7	m <sup>2</sup>	35,60	
8	Căn hộ A8	m <sup>2</sup>	48,20	
9	Căn hộ A9	m <sup>2</sup>	48,30	
10	Căn hộ A10	m <sup>2</sup>	48,20	
11	Căn hộ A11	m <sup>2</sup>	61,70	
<b>II</b>	<b>Nhà ở xã hội NOXH 1.2</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>578,70</b>	
1	Căn hộ A1	m <sup>2</sup>	62,10	
2	Căn hộ A2	m <sup>2</sup>	48,10	
3	Căn hộ A3	m <sup>2</sup>	48,10	
4	Căn hộ A4	m <sup>2</sup>	48,00	
5	Căn hộ A5	m <sup>2</sup>	68,70	
6	Căn hộ A6	m <sup>2</sup>	61,70	



Stt	Loại căn hộ	Đơn vị	Diện tích	Ghi chú
7	Căn hộ A7	m <sup>2</sup>	35,60	
8	Căn hộ A8	m <sup>2</sup>	48,20	
9	Căn hộ A9	m <sup>2</sup>	48,30	
10	Căn hộ A10	m <sup>2</sup>	48,20	
11	Căn hộ A11	m <sup>2</sup>	61,70	
<b>III</b>	<b>Nhà ở xã hội NOXH 2.1</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>1.216,90</b>	
1	Căn hộ A1	m <sup>2</sup>	62,40	
2	Căn hộ A2	m <sup>2</sup>	48,50	
3	Căn hộ A3	m <sup>2</sup>	48,30	
4	Căn hộ A4	m <sup>2</sup>	48,30	
5	Căn hộ A5	m <sup>2</sup>	48,30	
6	Căn hộ A6	m <sup>2</sup>	48,40	
7	Căn hộ A7	m <sup>2</sup>	48,40	
8	Căn hộ A8	m <sup>2</sup>	48,30	
9	Căn hộ A9	m <sup>2</sup>	48,30	
10	Căn hộ A10	m <sup>2</sup>	48,30	
11	Căn hộ A11	m <sup>2</sup>	48,50	
12	Căn hộ A12	m <sup>2</sup>	62,45	
13	Căn hộ B1	m <sup>2</sup>	62,40	
14	Căn hộ B2	m <sup>2</sup>	48,50	
15	Căn hộ B3	m <sup>2</sup>	48,30	
16	Căn hộ B4	m <sup>2</sup>	48,30	
17	Căn hộ B5	m <sup>2</sup>	48,30	
18	Căn hộ B6	m <sup>2</sup>	48,40	
19	Căn hộ B7	m <sup>2</sup>	48,40	
20	Căn hộ B8	m <sup>2</sup>	48,30	
21	Căn hộ B9	m <sup>2</sup>	48,30	
22	Căn hộ B10	m <sup>2</sup>	48,30	
23	Căn hộ B11	m <sup>2</sup>	48,50	
24	Căn hộ B12	m <sup>2</sup>	62,45	
<b>IV</b>	<b>Nhà ở xã hội NOXH 2.2</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>1.216,90</b>	
1	Căn hộ A1	m <sup>2</sup>	62,40	

Stt	Loại căn hộ	Đơn vị	Diện tích	Ghi chú
2	Căn hộ A2	m <sup>2</sup>	48,50	
3	Căn hộ A3	m <sup>2</sup>	48,30	
4	Căn hộ A4	m <sup>2</sup>	48,30	
5	Căn hộ A5	m <sup>2</sup>	48,30	
6	Căn hộ A6	m <sup>2</sup>	48,40	
7	Căn hộ A7	m <sup>2</sup>	48,40	
8	Căn hộ A8	m <sup>2</sup>	48,30	
9	Căn hộ A9	m <sup>2</sup>	48,30	
10	Căn hộ A10	m <sup>2</sup>	48,30	
11	Căn hộ A11	m <sup>2</sup>	48,50	
12	Căn hộ A12	m <sup>2</sup>	62,45	
13	Căn hộ B1	m <sup>2</sup>	62,40	
14	Căn hộ B2	m <sup>2</sup>	48,50	
15	Căn hộ B3	m <sup>2</sup>	48,30	
16	Căn hộ B4	m <sup>2</sup>	48,30	
17	Căn hộ B5	m <sup>2</sup>	48,30	
18	Căn hộ B6	m <sup>2</sup>	48,40	
19	Căn hộ B7	m <sup>2</sup>	48,40	
20	Căn hộ B8	m <sup>2</sup>	48,30	
21	Căn hộ B9	m <sup>2</sup>	48,30	
22	Căn hộ B10	m <sup>2</sup>	48,30	
23	Căn hộ B11	m <sup>2</sup>	48,50	
24	Căn hộ B12	m <sup>2</sup>	62,45	
*	<b>Tổng cộng</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>3.591,2</b>	

**10. Giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua (tạm tính):**

- Giá bán bình quân (chưa bao gồm thuế VAT và kinh phí bảo trì) tạm tính: 14.500.000 đồng/m<sup>2</sup> (Mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng/mét vuông).

- Giá cho thuê bình quân (chưa bao gồm thuế VAT và kinh phí bảo trì) tạm tính: 100.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng (Một trăm nghìn đồng/mét vuông/tháng).

- Giá cho thuê mua bình quân (chưa bao gồm thuế VAT và kinh phí bảo trì) tạm tính: 100.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng (Một trăm nghìn đồng/mét vuông/tháng).

**11. Thời gian bắt đầu và kết thúc nhận đơn đăng ký:**

- Thời gian dự kiến tiếp nhận đơn đăng ký đợt 1: Khi dự án đủ điều kiện mở bán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty Cổ phần Arita kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam công bố công khai các thông tin nêu trên liên quan đến dự án tại Cổng Thông tin điện tử của Quý cơ quan để Chủ đầu tư có cơ sở tiến hành thực hiện các thủ tục tiếp theo theo đúng quy định của pháp luật.

**Xin trân trọng cảm ơn!**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VT.



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Xuân Hà*